TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2024/TLST-DS ngày 19/9/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1959, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (có mặt ngày 27/12/2024; xin vắng mặt ngày 23/01/2025);

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1970, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2024, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và ông Phan Văn H có thoả thuận vay tài sản. Theo đó, ông Đ cho ông H vay số tiền là 110.000.000 đồng vào ngày 08/12/2019, thời hạn vay là 07 tháng từ ngày 08/12/2019 đến ngày 08/7/2020. Hai bên có lập biên nhận và ông Đ đã giao đủ số tiền 110.000.000 đồng cho ông H.

Ông Đ tiếp tục cho ông H vay số tiền là 150.000.000 đồng vào ngày 08/12/2019, thời hạn vay từ ngày 08/12/2019 đến ngày 01/6/2020. Hai bên có lập biên nhận và ông Đ đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho ông H.

Tổng cộng, ông Đ đã cho ông H vay số tiền 260.000.000 đồng. Số tiền này là tài sản riêng của ông Đ. Thoả thuận vay tiền là giữa ông Đ và riêng ông H. Tuy nhiên, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ.

Tại đơn khởi kiện, phiên toà, ông Đ yêu cầu ông H trả số tiền là 260.000.000 đồng, không yêu cầu ông H trả lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Phan Văn H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ buộc ông Phan Văn H trả số tiền vốn vay là 260.000.000 đồng. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Nguyễn Văn Đ có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Phan Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đ, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Hai văn bản có nội dung biên nhận tiền cùng đề ngày 08/12/2019 được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp

luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ cung cấp được nội dung bản chính văn bản có nội dung biên nhận tiền đều đề ngày 08/12/2019 xác định việc vay tiền của ông H đối với ông Đ. Nội dung văn bản thể hiện: *Tôi tên Phạm Văn H1, sinh năm: 1970 có mượn của ông Đ số tiền nêu trên là 110.000.000 đồng 07 tháng, đã nhận đủ tiền; và "Tôi tên Phan Văn H, sinh năm: 1970, ấp L, xã M có mượn của anh Đ số tiền một trăm năm mươi triệu (150.000.000), đã nhận đủ tiền, ngày 08/12/2019-ngày 01/6/2020.* Hội đồng xét xử xác định ông H có nợ ông Đ số tiền vay là 260.000.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc ông Phan Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền vốn vay là 260.000.000 đồng

[3.6] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phan Văn H chịu án phí 13.000.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí là 6.500.000 đồng theo biên lai thu số 0013814 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào ngày 17/9/2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ với ông Phan Văn H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc ông Phan Văn H trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phan Văn H chịu án phí 13.000.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí là 6.500.000 đồng theo biên lai thu số 0013814 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào ngày 17/9/2024.

3. Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân

4. Án sơ thẩm, đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hánh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**